Câu 1. Anh X sinh ngày 20/5/1995. Nghe đài báo đưa tin, ngày 22/5/2016 là ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016 -2021, anh X có nguyện vọng tự ứng cử vào đại biểu Hội đồng nhân dân. Anh X muốn biết điều kiện để được ứng cử vào đại biểu Hội đồng nhân dân?

Trả lời:

Theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sau đây gọi tắt là Luật bầu cử), để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, anh X phải có đủ những điều kiện sau đây:

a) Yêu cầu về độ tuổi ứng cử: Theo Điều 2 Luật bầu cử, tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Do ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân là ngày 22/5/2016, nên tính đến ngày bầu cử 22/5/2016, anh X đã đủ 21 tuổi thỏa mãn điều kiện về độ tuổi được ứng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp.

b) Bảo đảm tiêu chuẩn của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân: Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, bao gồm:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

Câu 2. Ông A là bí thư chi bộ tại khu phố Z. Trong đợt bầu cử này, ông được phân công chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Ông muốn biết trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 4 Luật bầu cử, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác bầu cử được quy định như sau:

- Quốc hội quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong thời gian giữa nhiệm kỳ; quyết định, thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Hội đồng bầu cử quốc gia tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện việc dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu; xác định cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tổ chức giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, bảo đảm cho việc bầu cử được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm.

- Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm kinh phí, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức bầu cử, bảo đảm công tác thông tin, tuyên truyền, an ninh, an toàn và các điều kiện cần thiết khác phục vụ cuộc bầu cử.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tham gia giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội tại địa phương; Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tương ứng; các Ban bầu cử, Tổ bầu cử thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của Luật bầu cử.

- Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và thực hiện công tác bầu cử theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế có trách nhiệm tạo điều kiện để các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Câu 3. Anh A là sinh viên năm thứ 2 của trường Đại học Luật Hà Nội và rất quan tâm đến hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Anh A muốn biết quy định về số lượng đại biểu Quốc hội được dự kiến phân bổ tại các địa phương để tuyên truyền, phổ biến cho mọi người?

Trả lời:

Theo Điều 7 Luật bầu cử và Điều 3 Nghị quyết số 1135/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 22/01/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XIV, Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

Về nguyên tắc phân bổ: Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất ba đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương; Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là năm trăm người; Bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 6 đại biểu.

Về số lượng đại biểu Quốc hội khóa XIV dự kiến được bầu ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tỉnh, Thành phố** | **Dự kiến Đại biểu Quốc hội khóa XIV** |
| **Tổng số** | **Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở trung ương giới thiệu** | **Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở địa phương giới thiệu** |
| 1 | TP Hồ Chí Minh | 30 | 14 | 16 |
| 2 | Hà Nội | 30 | 14 | 16 |
| 3 | Thanh Hóa | 14 | 6 | 8 |
| 4 | Nghệ An | 13 | 5 | 8 |
| 5 | Đồng Nai | 12 | 5 | 7 |
| 6 | An Giang | 10 | 4 | 6 |
| 7 | Bình Dương | 9 | 4 | 5 |
| 8 | Hải Phòng | 9 | 4 | 5 |
| 9 | Đắk Lắk | 9 | 4 | 5 |
| 10 | Nam Định | 9 | 4 | 5 |
| 11 | Thái Bình | 9 | 4 | 5 |
| 12 | Hải Dương | 9 | 4 | 5 |
| 13 | Kiên Giang | 8 | 3 | 5 |
| 14 | Tiền Giang | 8 | 3 | 5 |
| 15 | Đồng Tháp | 8 | 3 | 5 |
| 16 | Bắc Giang | 8 | 3 | 5 |
| 17 | Bình Định | 8 | 3 | 5 |
| 18 | Long An | 8 | 3 | 5 |
| 19 | Quảng Nam | 8 | 3 | 5 |
| 20 | Gia Lai | 7 | 3 | 4 |
| 21 | Phú Thọ | 7 | 3 | 4 |
| 22 | Sóc Trăng | 7 | 3 | 4 |
| 23 | Lâm Đồng | 7 | 3 | 4 |
| 24 | Bến Tre | 7 | 3 | 4 |
| 25 | Hà Tĩnh | 7 | 3 | 4 |
| 26 | Cần Thơ | 7 | 3 | 4 |
| 27 | Quảng Ngãi | 7 | 3 | 4 |
| 28 | Cà Mau | 7 | 3 | 4 |
| 29 | Bình Thuận | 7 | 3 | 4 |
| 30 | Quảng Ninh | 7 | 3 | 4 |
| 31 | Khánh Hoà | 7 | 3 | 4 |
| 32 | Thái Nguyên | 7 | 3 | 4 |
| 33 | Sơn La | 7 | 3 | 4 |
| 34 | Hưng Yên | 7 | 3 | 4 |
| 35 | Bắc Ninh | 7 | 3 | 4 |
| 36 | Thừa Thiên Huế | 7 | 3 | 4 |
| 37 | Tây Ninh | 6 | 2 | 4 |
| 38 | Bà Rịa-Vũng Tàu | 6 | 2 | 4 |
| 39 | Vĩnh Phúc | 6 | 2 | 4 |
| 40 | Vĩnh Long | 6 | 2 | 4 |
| 41 | Đà Nẵng | 6 | 2 | 4 |
| 42 | Trà Vinh | 6 | 2 | 4 |
| 43 | Bình Phước | 6 | 2 | 4 |
| 44 | Ninh Bình | 6 | 2 | 4 |
| 45 | Phú Yên | 6 | 2 | 4 |
| 46 | Bạc Liêu | 6 | 2 | 4 |
| 47 | Quảng Bình | 6 | 2 | 4 |
| 48 | Hòa Bình | 6 | 2 | 4 |
| 49 | Hà Giang | 6 | 2 | 4 |
| 50 | Hà Nam | 6 | 2 | 4 |
| 51 | Yên Bái | 6 | 2 | 4 |
| 52 | Hậu Giang | 6 | 2 | 4 |
| 53 | Tuyên Quang | 6 | 2 | 4 |
| 54 | Lạng Sơn | 6 | 2 | 4 |
| 55 | Lào Cai | 6 | 2 | 4 |
| 56 | Quảng Trị | 6 | 2 | 4 |
| 57 | Ninh Thuận | 6 | 2 | 4 |
| 58 | Đắk Nông | 6 | 2 | 4 |
| 59 | Điện Biên | 6 | 2 | 4 |
| 60 | Cao Bằng | 6 | 2 | 4 |
| 61 | Kon Tum | 6 | 2 | 4 |
| 62 | Lai Châu | 6 | 2 | 4 |
| 63 | Bắc Kạn | 6 | 2 | 4 |
|  | **Tổng** | **500** | **198** | **302** |

*Ghi chú:* Số liệu dân số ước tính đến ngày 31/12/2015 theo công văn số 36/TCTK-DSLĐ ngày 19/01/2016 của Tổng cục Thống kê *(sắp xếp theo số dân)*

**Câu 4. Thấy mình có đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội và muốn đóng góp trí tuệ cho đất nước, chị B có nguyện vọng tự ứng cử vào đại biểu Quốc hội khóa XIV. chị B muốn tìm hiểu về dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV để có thêm thông tin trước khi quyết định ứng cử?**

**Trả lời:**

Theo Điều 8 Luật bầu cử việc dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như sau:

- Căn cứ vào dự kiến số lượng đại biểu Quốc hội được bầu, sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để bảo đảm tỷ lệ đại diện hợp lý của các tầng lớp nhân dân trong Quốc hội.

- Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất mười tám phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.

- Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất ba mươi lăm phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

- Dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

Điều 2, Nghị quyết số 1135/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 22/01/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở trung ương và địa phương như sau:

1. Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XIV ở trung ương là 198 đại biểu = 39,6%.

Trong đó cơ cấu, thành phần được dự kiến phân bổ như sau:

- Các cơ quan Đảng:11 đại biểu;

- Cơ quan Chủ tịch nước: 03 đại biểu;

- Các cơ quan của Quốc hội (đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương): 114 đại biểu, trong đó dự kiến khoảng 20% đại biểu là phụ nữ và khoảng 10% đại biểu là người dân tộc thiểu số;

- Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ: 18 đại biểu, phấn đấu có đại biểu là phụ nữ và đại biểu là người dân tộc thiểu số;

- Bộ Quốc phòng (gồm Bộ trưởng và các quân khu, quân chủng): 15 đại biểu, phấn đấu có đại biểu là người dân tộc thiểu số;

- Bộ Công an (gồm cả Bộ trưởng Bộ Công an): 03 đại biểu;

- Tòa án nhân dân tối cao: 01 đại biểu;

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao: 01 đại biểu;

- Kiểm toán nhà nước: 01 đại biểu;

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên: 31 đại biểu, trong đó có đại biểu là phụ nữ, đại biểu là người dân tộc thiểu số, đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi), đại biểu tôn giáo, đại biểu ngoài đảng, đại biểu tái cử và nhân sỹ trí thức, văn nghệ sỹ tiêu biểu.

2. Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương dự kiến là 302 đại biểu = 60,4%

Trong số đại biểu này cần bảo đảm tỷ lệ hợp lý đại biểu là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số, trẻ tuổi (dưới 40 tuổi), đại biểu là người ngoài đảng, đại biểu tái cử, được dự kiến phân bổ như sau:

*a. Cơ cấu định hướng* gồm 226 đại biểu, được phân bổ cho các cơ quan, tổ chức như sau:

- Lãnh đạo chủ chốt ở địa phương là 63 đại biểu (làm Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội);

- Phó Trưởng đoàn Đại biểu chuyên trách địa phương là 67 đại biểu (mỗi địa phương 1 đại biểu, riêng TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa có 2 đại biểu);

- Mặt trận Tổ quốc: 10 đại biểu;

- Công đoàn: 6 đại biểu;

- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 5 đại biểu;

- Hội Liên hiệp phụ nữ: 8 đại biểu;

- Hội Nông dân: 5 đại biểu;

- Hội Cựu chiến binh: 3 đại biểu;

- Đại biểu tôn giáo: 6 đại biểu;

- Quân đội (bao gồm Bộ Chỉ huy quân sự và Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố): 16 đại biểu;

- Công an: 11 đại biểu;

- Tòa án nhân dân: 04 đại biểu;

- Viện Kiểm sát nhân dân: 04 đại biểu;

- Sở Tư pháp: 05 đại biểu;

- Viện nghiên cứu, trường đại học: 6 đại biểu;

- Doanh nghiệp, hiệp hội, nghiệp đoàn về lĩnh vực sản xuất kinh doanh: 7 đại biểu (trong đó, dự kiến phân bổ 3 doanh nghiệp nhà nước, 4 hiệp hội, nghiệp đoàn về sản xuất kinh doanh).

*b. Cơ cấu hướng dẫn* do các địa phương giới thiệu là 76 đại biểu, gồm đại diện các ngành: khoa học - công nghệ; lao động, thương binh - xã hội; giáo dục, y tế, văn hóa - nghệ thuật; đại diện chính quyền cơ sở…

3. Cơ cấu kết hợp

- Số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tham gia Quốc hội khóa XIV khoảng 80 đồng chí, trong đó có 12-14 đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Đại biểu là người ngoài Đảng: từ 25 – 50 đại biểu;

- Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): khoảng 50 đại biểu;

- Đại biểu tái cử: khoảng 160 đại biểu;

- Đại biểu là người dân tộc thiểu số: Khi lập danh sách chính thức những người ứng cử ít nhất là 162 người bằng 18% tổng số người trong danh sách ứng cử và phấn đấu trúng cử ít nhất 90 đại biểu bằng 18% tổng số đại biểu Quốc hội;

- Đại biểu là phụ nữ: Khi lập danh sách chính thức những người ứng cử, phải bảo đảm ít nhất là 314 người bằng 35% tổng số người trong danh sách ứng cử và phấn đấu trúng cử ít nhất 150 đại biểu bằng 30% tổng số đại biểu Quốc hội.

Câu 5. Khi nghiên cứu dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể trên địa bàn huyện Q, ông A thấy số lượng phụ nữ chiếm gần 40% trong tổng số người trong danh sách chính thức cho rằng số lượng đó là quá nhiều. Xin hỏi Luật bầu cử quy định về dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 9 Luật bầu cử, Căn cứ vào số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị hành chính theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cùng cấp, chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, trong đó bảo đảm có ít nhất **ba mươi lăm phần trăm** tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; số lượng người ứng cử là người dân tộc thiểu số được xác định phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khóm (sau đây gọi chung là tổ dân phố), đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, trong đó bảo đảm có ít nhất ba mươi lăm phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; số lượng người ứng cử là người dân tộc thiểu số được xác định phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương;

Như vậy, căn cứ quy định trên, việc huyện Q có số lượng phụ nữ trong tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chiếm gần 40% là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo Điều 1 và 2, Nghị quyết số 1132/2016/NQ-UBTVQH13, ngày 22/01/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở trung ương và địa phương như sau:

*\* Về dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân*

- Việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị hành chính được căn cứ vào cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, quy định trong Luật tổ chức chính quyền địa phương và dân số của từng đơn vị hành chính tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo số liệu do Tổng cục Thống kê công bố.

Căn cứ vào số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu, nguyên tắc về việc bảo đảm số dư khi lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mình. Theo đó, số người trong danh sách ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu ba đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là hai người; nếu đơn vị bầu cử được bầu từ bốn đại biểu trở lên thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là ba người. Hội đồng bầu cử quốc gia hướng dẫn đối với trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng

- Căn cứ vào tình hình cụ thể của mỗi đơn vị hành chính, trên cơ sở tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cùng cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ hợp lý số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới (đối với cấp tỉnh, cấp huyện), các thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

- Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính phải bảo đảm các tiêu chí sau đây:

 + Bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ;

 + Bảo đảm số lượng hợp lý người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người dân tộc thiểu số, phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân số của từng địa phương; phấn đấu số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu là người dân tộc thiểu số không thấp hơn số đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2011-2016 là người dân tộc thiểu số ở đơn vị hành chính đó;

 + Phấn đấu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người ngoài Đảng không dưới 10%; người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người dưới 35 tuổi không dưới 15% tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

 + Phấn đấu có ít nhất 30% đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ trước tái cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021;

 + Việc phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử ở các đơn vị hành chính cấp dưới, các thôn, tổ dân phố cần bảo đảm tương quan hợp lý về dân số giữa các đơn vị này.

- Việc phân bổ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân để bố trí làm đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách được thực hiện căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương và phải bảo đảm số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể như sau:

 + Ở cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; hai Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có ít nhất hai đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách;

 + Ở cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng nhân dân có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; hai Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện có ít nhất một đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách;

 + Ở cấp xã, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

**Câu 6. Anh C là cử tri nên muốn tìm hiểu về đơn vị bầu cử đề thực hiện quyền bầu cử đại biều Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016 -2021. Xin hỏi đơn vị bầu cử được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 10 Luật bầu cử, Đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo đơn vị bầu cử.

- Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử được tính căn cứ theo số dân, do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định theo đề nghị của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được công bố chậm nhất là 80 ngày trước ngày bầu cử.

- Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện. Xă, phường, thị trấn được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử do Ủy ban bầu cử ở cấp đó ấn định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp và được công bố chậm nhất là 80 ngày trước ngày bầu cử.

- Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội được bầu không quá ba đại biểu. Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu không quá năm đại biểu.

**Câu 7. Anh A công tác trong lực lượng vũ trang và muốn tìm hiểu về khu vực bỏ phiếu để thực hiện quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân của mình tại đơn vị vũ trang nhân dân hay phải về nơi thường trú để bỏ phiếu?**

**Trả lời:**

Theo Điều 11, Luật bầu cử, các trường hợp có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng, bao gồm: Đơn vị vũ trang nhân dân; Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ năm mươi cử tri trở lên; Cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam. Như vậy, đơn vị vũ trang nhân dân nơi anh A công tác có thể được thành lập khu vực bỏ phiếu riêng.

Về khu vực bỏ phiếu, Luật quy định, mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân chia thành các khu vực bỏ phiếu. Khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đồng thời là khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến bốn nghìn cử tri. Ở miền núi, vùng cao, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn. Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

**Câu 8. Luật quy định về Hội đồng bầu cử quốc gia như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 12 Luật bầu cử Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội thành lập, có từ mười lăm đến hai mươi mốt thành viên gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại diện Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

- Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội bầu, miễn nhiệm theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội phê chuẩn theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Hội đồng bầu cử quốc gia thành lập các tiểu ban để giúp Hội đồng bầu cử quốc gia thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong từng lĩnh vực.

Theo Điều 2 Nghị quyết số 105/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Hội đồng bầu cử quốc gia được thành lập với 21 thành viên, bao gồm:

1. Ông Nguyễn Sinh Hùng, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia;

2. Bà Tòng Thị Phóng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia;

3. Bà Nguyễn Thị Doan, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia;

4. Ông Nguyễn Xuân Phúc, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia;

5. Ông Nguyễn Thiện Nhân, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia;

6. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

7. Ông Uông Chu Lưu, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

8. Ông Huỳnh Ngọc Sơn, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

9. Ông Tô Huy Rứa, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

10. Ông Ngô Văn Dụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

11. Ông Phùng Quang Thanh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

12. Ông Trần Đại Quang, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

13. Bà Nguyễn Thị Nương, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Trưởng Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

14. Ông Nguyễn Hạnh Phúc, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

15. Ông Nguyễn Thái Bình, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

16. Ông Nguyễn Bắc Son, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

17. Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

18. Ông Đặng Ngọc Tùng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

19. Ông Nguyễn Quốc Cường, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

20. Ông Nguyễn Văn Được, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

21. Ông Nguyễn Đắc Vinh, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia.

**Câu 9. Hội đồng bầu cử quốc gia hoạt động theo nguyên tắc nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 13, Luật bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên của Hội đồng bầu cử quốc gia tham dự; các quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo về hoạt động của mình trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Câu 10. Là cơ quan chịu trách nhiệm chung về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân trên toàn quốc, Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ và quyền hạn chung gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 14 Luật bầu cử những nhiệm vụ, quyền hạn chung của Hội đồng bầu cử quốc gia bao gồm tại như sau:

- Tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội.

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử.

- Chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử.

- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử.

- Quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu thẻ cử tri, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu, các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử.

**Câu 11. Trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội Hội đồng bầu cử Quốc gia có những nhiệm vụ quyền hạn gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 15 Luật bầu cử việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội Hội đồng bầu cử Quốc gia có nhiệm vụ ấn định và công bố số đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử. Hội đồng bầu cử quốc gia còn có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; nhận hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi đến.

- Gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện việc hiệp thương. Giới thiệu và gửi hồ sơ của người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu để về ứng cử tại các tình, thành phố trực thuộc trung ương.

- Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử; xóa tên người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành, phố trực thuộc trung ương, Ban bầu cử; lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước.

- Quyết định việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội hoặc hủy bỏ kết quả bầu cử và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

- Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội.

- Trình Quốc hội khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội; chuyển giao hồ sơ, khiếu nại, tố cáo liên quan đến những người trúng cử đại biểu Quốc hội cho Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội.

**Câu 12. Trong chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia có những nhiệm vụ, quyền hạn gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 16, Luật bầu cử trong chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các quy định, của pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hướng dẫn hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Kiểm tra việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hủy bỏ kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

**Câu 13. Đề nghị cho biết nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia?**

**Trả lời:**

Theo Điều 17, Luật bầu cử nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia được quy định như sau:

 Chủ tịch Hội đồng bầu cử chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Trình danh sách các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, các Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia để Quốc hội phê chuẩn;

- Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Lãnh đạo và điều hành công việc của Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Giữ liên hệ với các thành viên của Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Thay mặt Hội đồng bầu cử quốc gia trong mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức khác;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng bầu cử quốc gia phân công.

Đối với các thành viên khác (Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia) phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Hội đồng bầu cử quốc gia phân công và chịu trách nhiệm trước Hội đồng bầu cử quốc gia về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Ngoài ra khi Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

**Câu 14. Hội đồng bầu cử quốc gia phải phối hợp với các cơ quan, đơn vị nào trong công tác bầu cử?**

**Trả lời:**

Theo Điều 18 Luật bầu cử Hội đồng bầu cử quốc gia phối hợp với Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc giám sát, kiểm tra công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hội đồng bầu cử quốc gia phối hợp với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, hướng dẫn việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và vận động bầu cử.

Hội đồng bầu cử quốc gia phối hợp với Chính phủ trong việc bảo đảm kinh phí, an ninh, an toàn, các điều kiện cần thiết khác phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức phụ trách bầu cử trong cả nước về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Câu 15. Nhiệm vụ của Hội đồng bầu cử quốc gia được kết thúc vào thời điểm nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 20, Luật bầu cử Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ sau khi đã trình Quốc hội khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu, bàn giao biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội cho Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa mới.

Câu 16. Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương gồm những tổ chức nào?

Trả lời:

 Theo Điều 21, Luật bầu cử, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương gồm có:

1. Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban bầu cử).

2. Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là Ban bầu cử).

3. Tổ bầu cử.

Câu 17. Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thành lập khi nào? Thành phần, số lượng thành viên được quy định ra sao?

Trả lời:

 Theo Điều 22, Luật bầu cử, chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban bầu cử ở tỉnh) để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ủy ban bầu cử ở tỉnh có từ hai mươi mốt đến ba mươi mốt thành viên gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Danh sách Ủy ban bầu cử ở tỉnh phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Câu 18. Việc thành lập, cơ cấu, thành phần của Ủy ban bầu cử cấp huyện, cấp xã được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 22, Luật bầu cử, chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban bầu cử ở huyện), Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban bầu cử ở xã) để tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã tương ứng.

Ủy ban bầu cử ở huyện có từ mười một đến mười lăm thành viên; Ủy ban bầu cử ở xã có từ chín đến mười một thành viên. Thành viên Ủy ban bầu cử ở huyện, ở xã gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Danh sách Ủy ban bầu cử ở huyện, Ủy ban bầu cử ở xã phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.

Câu 19. Trong bầu cử đại biểu Quốc hội Ủy ban bầu cử ở tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Trả lời:

Theo Điều 23, Luật bầu cử, trong bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội ở các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử;

- Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

- Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và hồ sơ của người tự ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để tiến hành hiệp thương; gửi hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo đơn vị bầu cử và báo cáo để Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định;

- Chỉ đạo, kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;

- Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phân phối cho các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Quốc hội do Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội;

- Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội theo yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Chuyển hồ sơ, biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Tổ chức việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia.

**Câu 20. Trong bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Ủy ban bầu cử ở các cấp có nhiệm vụ, quyền hạn gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 23, Luật bầu cử trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân Ủy ban bầu cử ở các cấp có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Chỉ đạo việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình ở địa phương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

- Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu của mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

- Nhận và xem xét hồ sơ của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, thôn, tổ dân phố ở địa phương giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để tiến hành hiệp thương;

- Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo từng đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xóa tên người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

- Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từ Ủy ban nhân dân cùng cấp và phân phối cho các Ban bầu cử chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử;

- Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình ở từng đơn vị bầu cử do các Ban bầu cử gửi đến; lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình;

- Chỉ đạo việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định tại các điều 79, 80, 81 và 82 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Trình Hội đồng nhân dân khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp được bầu;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình do Ban bầu cử, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

- Bàn giao các biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cho Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp khóa mới.

Câu 21. Thời điểm thành lập, cơ cấu, thành phần của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được quy định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 24, Luật bầu cử, chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình một Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội. Thành, phần Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có thêm đại diện cử tri ở địa phương.

Về số lượng, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có từ mười một đến mười ba thành viên. Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện có từ chín đến mười một thành viên. Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có từ bảy đến chín thành viên.

Ban bầu cử gồm Trưởng ban, các Phó Trường ban và các Ủy viên.

**Câu 22. Ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 24 Luật bầu cử Ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử của các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;

- Kiểm tra, đôn đốc việc lập, niêm yết danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách những người ứng cử ở các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu và công việc bầu cử ở các phòng bỏ phiếu;

- Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử chậm nhất là 15 ngày trước ngày bầu cử;

- Nhận, tổng hợp và kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử; lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử của các Tổ bầu cử và khiếu nại, tố cáo về bầu cử do các Tổ bầu cử chuyển đến; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo hướng dẫn, yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc theo yêu cầu của Ủy ban bầu cử cùng cấp;

- Chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh; chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ủy ban bầu cử cùng cấp;

- Tổ chức thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).

Câu 23. Tổ bầu cử được thành lập ở đâu? Số lượng, thành phần của thành viên Tổ bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 25, Luật bầu cử Tổ bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu, cụ thể như sau:

1. *Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã* sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chậm nhất là 50 ngày trước ngày bầu cử.

Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 mốt thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

2. *Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn* thì Ủy ban nhân dân huyện sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử.

Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

3. *Đối với* *đơn vị vũ trang nhân dân* được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng được thành lập một Tổ bầu cử có từ 5 đến 9 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

4. *Trong trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung một khu vực bỏ phiếu* thì Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân quyết định thành lập Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương, đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

**Câu 24. Trong công tác bầu cử Tổ bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 25, Luật bầu cử, Tổ bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu;

- Bố trí phòng bỏ phiếu, chuẩn bị hòm phiếu;

- Nhận tài liệu và phiếu bầu cử từ Ban bầu cử; phát thẻ cử tri, phiếu bầu cử có đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri;

- Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử;

- Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về bầu cử và nội quy phòng bỏ phiếu;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử quy định tại Điều này; nhận và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, khiếu nại, tố cáo khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổ bầu cử;

- Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử để gửi đến Ban bầu cử tương ứng;

- Chuyển biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử và toàn bộ phiếu bầu cử đến Ủy ban nhân dân cấp xã khi kết thúc việc kiểm phiếu;

- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của các tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên;

- Thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại tại khu vực bỏ phiếu (nếu có).

Câu 25. Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương hoạt động theo nguyên tắc nào?

Trả lời:

- Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự; các quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

- Cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức phụ trách bầu cử có quyền trưng tập cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập để giúp thực hiện các công việc liên quan đến tổ chức bầu cử.

Câu 26: Anh Nguyễn Văn D là nhân sự được huyện X giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của huyện. Xin hỏi anh D có được tham gia làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử nơi mình ứng cử hay không? Nếu đã tham gia thì phải xử lý như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 27 Luật bầu cử người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử. Nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử thì người ứng cử phải xin rút khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó chậm nhất là vào ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử. Trường hợp người ứng cử không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử đó ra quyết định xóa tên người ứng cử khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

Như vây anh D nếu được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của Huyện thì không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình đã ứng cử

Câu 27. Nhiệm vụ của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương kết thúc vào thời điểm nào?

Trả lời:

Theo Điều 28, Luật bầu cử, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội.

 Ủy ban bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân sau khi Ủy ban bầu cử đã trình báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hồ sơ, tài liệu về bầu cử tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới.

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân sau khi Ủy ban bầu cử kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân

Câu 28. Danh sách cử tri được lập theo nguyên tắc nào?

Trả lời:

Theo Điều 29, Luật bầu cử việc lập danh sách cử tri phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri

2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

3. Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

4. Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

5. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu 30. Những trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri?

Trả lời:

Những trường hợp sau không được ghi tên vào danh sách cử tri:

- Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

- Người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án;

- Người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo;

- Người mất năng lực hành vi dân sự .

Câu 31. Những trường hợp nào không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri?

Trả lời:

Theo Điều 30, Luật bầu cử, các trường hợp sau đây không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri:

- Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự  nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định tại Điều 29 của Luật bầu cử.

- Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách, cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

Câu 33. Đối với những huyện không có đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn thì thẩm quyền lập danh sách cử tri do cơ quan nào thực hiện? Việc niêm yết danh sách cử tri trong trường hợp này được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 31, 32, Luật bầu cử, đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu.

Về việc niêm yết cử tri, chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử, cơ quan lập danh sách cử tri niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

Câu 34. Để ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân người ứng cử cần chuẩn bị hồ sơ gồm những gì?

Trả lời:

Hồ sơ ứng cử và thời gian nộp hồ sơ ứng cử được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật bầu cử, theo đó công dân ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải nộp hồ sơ ứng cử chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử. Hồ sơ ứng cử bao gồm:

- Đơn ứng cử;

- Sơ yếu lý lịch có chứng nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền;

- Tiểu sử tóm tắt;

- Ba ảnh chân dung màu cỡ 4cm x 6cm;

- Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

**Câu 35. Việc nộp hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 36, Luật bầu cử việc nộp hồ sơ ứng cử được thực hiện như sau:

*1. Đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội*

- Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử nộp hai bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử nộp hai bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh nơi mình cư trú hoặc công tác thường xuyên;

- Sau khi nhận và xem xét hồ sơ của những người ứng cử, nếu thấy hợp lệ theo quy định của Luật này thì Hội đồng bầu cử quốc gia chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử đến Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ủy ban bầu cử ở tỉnh chuyển hồ sơ ứng cử của người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử tại địa phương đến Hội đồng bầu cử quốc gia; chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử tại địa phương đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để đưa vào danh sách hiệp thương.

*2. Đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân*

Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nộp một bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính mà mình ứng cử. Người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của địa phương nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở địa phương đó.

Sau khi nhận và xem xét hồ sơ của những người tự ứng cử, người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, nếu thấy hợp lệ theo quy định của Luật này thì Ủy ban bầu cử chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người ứng cử đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để đưa vào danh sách hiệp thương.

Công dân chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân tối đa ở hai cấp trong cùng một nhiệm kỳ; nếu nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân ở một cấp.

**Câu 36. Những trường hợp nào không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?**

**Trả lời:**

Theo Điều 37, Luật bầu cử, , những trường hợp sau đây không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân:

1. Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

2. Người đang bị khởi tố bị can.

3. Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án.

4. Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích.

5. Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**Câu 37. Việc tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử gồm những bước nào?**

**Trả lời:**

Tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân là một giai đoạn hết sức quan trọng trong quá trình tổ chức bầu cử. Luật bầu cử đã quy định cụ thể vấn đề này từ Điều 38 đến Điều 56 có thể khái quát việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử được tiến hành thông qua 05 bước như sau:

Bước 1: Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

Bước 2: Tổ chức giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người của các đơn vị hành chính cấp dưới, của thôn, tổ dân phố để đưa vào danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Bước 3: Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Bước 4: Lấy ý kiến cử tri ở nơi cư trú, nơi công tác đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Bước 5: Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba đề lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Câu 38. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành hội nghị?**

**Trả lời:**

Theo Điều 37, Luật bầu cử Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức chậm nhất là 95 ngày trước ngày bầu cử. Thành phần hội nghị hiệp thương lần thứ nhất gồm Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ được mời tham dự hội nghị này.

Hội nghị hiệp thương thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội trên cơ sở dự kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị và được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban thường vụ Quốc hội.

 **Câu 39. Việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương ứng cử đại biểu Quốc hội được tiến hành như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 41, Luật bầu cử, việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương ứng cử đại biểu Quốc hội được tiến hành như sau:

Trên cơ sở điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban thường vụ Quốc hội, căn cứ vào tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội tiến hành lựa chọn, giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội như sau:

1. Ban lãnh đạo tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội dự kiến người của tổ chức mình để giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó công tác. Trên cơ sở ý kiến cửa hội nghị cử tri, ban lãnh đạo tổ chức hội nghị Ban thường vụ mở rộng hoặc Đoàn Chủ tịch mở rộng để thảo luận, giới thiệu người của tổ chức mình ứng cử đại biểu Quốc hội;

2. Ở cơ quan nhà nước, ban lãnh đạo cơ quan phối hợp với ban chấp hành, công đoàn cơ quan dự kiến người của cơ quan mình để giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó công tác. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, ban lãnh đạo cơ quan tổ chức hội nghị gồm lãnh đạo cơ quan, đại diện ban chấp hành công đoàn, đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để thảo luận, giới thiệu người của cơ quan mình ứng cử đại biểu Quốc hội;

3. Ở đơn vị vũ trang nhân dân, chỉ huy đơn vị dự kiến người của đơn vị mình để giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của cử tri nơi người đó công tác. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, chỉ huy đơn vị tổ chức hội nghị gồm lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, đại diện ban chấp hành công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy cấp dưới trực tiếp để thảo luận, giới thiệu người của đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội;

4. Việc tổ chức hội nghị cử tri quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội phải chuyển biên bản hội nghị cử tri nơi công tác và biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Câu 40. Trên cơ sở điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban thường vụ Quốc hội, căn cứ vào tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, thành phố H dự kiến giới thiệu 02 nhân sự của địa phương tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội. Xin hỏi việc giới thiệu này được tiến hành theo các bước cụ thể nào?

Trả lời:

Việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật bầu cử cụ thể như sau:

1. Ban lãnh đạo tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội dự kiến người của tổ chức mình để giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó công tác. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, ban lãnh đạo tổ chức hội nghị Ban thường vụ mở rộng để thảo luận, giới thiệu người cửa tổ chức mình ứng cử ðại biểu Quốc hội;

2. Ban lãnh đạo cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế phối hợp với ban chấp hành công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, để giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó công tác. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị gồm lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, đại diện ban chấp hành công đoàn, đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để thảo luận, giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội;

3. Ở đơn vị vũ trang nhân dân, chỉ huy đơn vị dự kiến người của đơn vị mình để giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó công tác. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, chỉ huy đơn vị tổ chức hội nghị gồm lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, đại diện ban chấp hành công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy đơn vị cấp dưới trực tiếp để thảo luận, giới thiệu người của đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội;

4. Việc tổ chức hội nghị cử tri quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội phải chuyển biên bản hội nghị cử tri nơi công tác và biên bản hội nghị ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

**Câu 41. Khi nào hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương được tổ chức? Thành phần, nội dung của hội nghị?**

**Trả lời:**

Theo Điều 43, Luật bầu cử, Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức chậm nhất là 65 ngày trước ngày bầu cử.

Thành phần hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương bao gồm  Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận

Về nội dung, hội nghị hiệp thương lần thứ hai căn cứ vào tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội và gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú. Việc tổ chức lấy ý kiến cử tri được thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Luật bầu cử.

 Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành, phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị và được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Câu 42. Khi nào hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tổ chức? Anh Nguyễn Văn H công tác tại Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh B đã tự ứng cử đại biểu Quốc hội. Vậy tại hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở tỉnh, ngoài việc lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội và gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú, trường hợp của anh H có phải lấy ý kiến cơ quan, tổ chức nào không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 44, Luật bầu cử, Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức chậm nhất là 65 ngày trước ngày bầu cử.

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai căn cứ vào tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội và gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú. Đối với người tự ứng cử như trường hợp của anh H ở trên thì còn được gửi lấy ý kiến cử tri nơi người đó công tác là Sở Thông tin và Truyền thông. Việc tổ chức lấy ý kiến cử tri được thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Luật bầu cử.

**Câu 43. Chị G được lựa chọn, giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của tỉnh K. Xin hỏi hội nghị cử tri ở xã, phường, thị trấn để cử tri nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với chị G được tổ chức tại đâu, có thành phần tham gia như thế nào? Việc bày tỏ sự tín nhiệm của cử tri được thể hiện theo hình thức nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 45, Luật bầu cử, hội nghị cử tri ở xã, phường, thị trấn được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử đại biểu Quốc hội cư trú thường xuyên do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì.

Tại hội nghị này, người ứng cử đại biểu Quốc hội như chị G, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị đã giới thiệu người ứng cử được mời tham dự.

Hội nghị cử tri ở tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội do ban lãnh đạo tổ chức triệu tập và chủ trì; hội nghị cử tri ở cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với ban chấp hành công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì; hội nghị cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân là hội nghị quân nhân do lãnh, đạo, chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì.

Người ứng cử đại biểu Quốc hội được mời tham dự hội nghị này.

Tại hội nghị cử tri, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín theo quyết định của hội nghị.

Câu 44. Tại hội nghị cử tri của phường X thuộc tỉnh L, một số cử tri có ý kiến đề nghị xác minh về tài sản của gia đình ông H, là nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội của tỉnh. Xin hỏi việc xác minh và trả lời về các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội như trường hợp ông H nêu trên được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 46 Luật bầu cử, việc xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như sau:

1. Đối với vụ việc ở nơi công tác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người ứng cử có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

Trường hợp người ứng cử đại biểu Quốc hội là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xác minh và trả lời. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị không có cấp trên trực tiếp quản lý thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, thành lập cơ quan, tổ chức, đơn vị đó có trách nhiệm xác minh và trả lời.

2. Đối với vụ việc ở khu dân cư thì cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

3. Đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội thì Ủy ban bầu cử ở tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người đó hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

4. Chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử, việc xác minh và trả lời về các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội quy định tại Điều này phải được tiến hành xong.

Câu 45. Việc điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội lần thứ hai được Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện khi nào?

Trả lời:

Theo Điều 47, Luật bầu cử, căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ hai, chậm nhất là 55 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 46. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương được tổ chức khi nào? Mục đích, thành phần của hội nghị này?

Trả lời:

Theo Điều 48, Luật bầu cử, hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức chậm nhất là 35 ngày trước ngày bầu cử. Thành phần hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương gồm Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận.

Về nội dung, hội nghị hiệp thương lần thứ ba căn cứ vào tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai và kết quả lấy ý kiến cử tri để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 47. Còn 40 ngày nữa mới đến ngày bầu cử, nhưng Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh H đã tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba. Xin hỏi việc tổ chức hội nghị này có đáp ứng yêu cầu về thời gian theo quy định hay không? Nội dung của hội nghị này là gì?

Trả lời:

Theo Điều 49, Luật bầu cử, hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức chậm nhất là 35 ngày trước ngày bầu cử. Do vậy, việc Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh H tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba khi còn gần 40 ngày mới đến ngày bầu cử là đúng quy định.

Về nội dung,hội nghị hiệp thương lần thứ ba căn cứ vào tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai và kết quả lấy ý kiến cử tri để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 48. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất được tổ chức khi nào? Nội dung của hội nghị này như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 50, Luật bầu cử, hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở mỗi cấp do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức chậm nhất là 95 ngày trước ngày bầu cử. Thành phần hội nghị hiệp thương lần thứ nhất gồm Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Ủy ban bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp được mời tham dự hội nghị này.

Về nội dung, hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở cấp tỉnh, cấp huyện thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước cùng cấp và của đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, các đơn vị hành chính, cấp dưới trên địa bàn.

Đối với hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở cấp xã thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xă hội, tổ chức xă hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước cùng cấp và của đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Câu 49. Căn cứ kết quả của hội nghị hiệp thương lần thứ nhất, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm điều chỉnh những vấn đề gì để phục vụ công tác bầu cử?

Trả lời:

Theo Điều 51, Luật bầu cử, căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, chậm nhất là 90 ngày trước ngày bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

Căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, chậm nhất là 90 ngày trước ngày bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

Câu 50. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân như thế nào? Việc lựa chọn, giới thiệu được thực hiện ra sao?

**Trả lời:**

Theo Điều 52, Luật bầu cử trên cơ sở kết quả hiệp thương lần thứ nhất và điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân, căn cứ vào tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) được phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử tiến hành lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân như sau:

1. Ban lãnh đạo tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội dự kiến người của tổ chức mình để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó công tác. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, ban lãnh đạo tổ chức hội nghị Ban thường vụ mở rộng để thảo luận, giới thiệu người của tổ chức mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

2. Ban lãnh đạo cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế phối hợp với ban chấp hành công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó công tác. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị gồm lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, đại diện ban chấp hành công đoàn, đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để thảo luận, giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

3. Lãnh đạo, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân dự kiến người của đơn vị mình để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó công tác. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, lãnh đạo, chỉ huy đơn vị tổ chức hội nghị gồm lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, đại diện ban chấp hành công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy cấp dưới trực tiếp để thảo luận, giới thiệu người của đơn vị mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

4. Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố dự kiến người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã và phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức hội nghị cử tri để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố do Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn;

5. Việc tổ chức hội nghị cử tri quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 54 của Luật bầu cử;

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải chuyển biên bản hội nghị cử tri nơi công tác và biên bản hội nghị lãnh đạo mở rộng của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình về việc thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

Ban công tác Mặt trận chuyển biên bản hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố về việc thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Câu 51. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức khi nào? Nội dung của Hội nghị ngày là gì?

**Trả lời:**

Theo Điều 53, Luật bầu cử, hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở mỗi cấp do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức chậm nhất là 65 ngày trước ngày bầu cử. Thành phần hội nghị hiệp thương lần thứ hai gồm Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai căn cứ vào tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người tự ứng cử, người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử và lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) của người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Việc tổ chức lấy ý kiến cử tri được thực hiện theo quy định tại Điều 54 của Luật bầu cử.

Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị.

Biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp tỉnh được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp huyện, cấp xã được gửi ngay đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Câu 52. Ai chịu trách nhiệm triệu tập hội nghị cử tri? Tại hội nghị cử tri, cử tri thể hiện sự tín nhiệm đối với người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân bằng cách nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 54, Luật bầu cử, hội nghị cử tri ở xã, phường, thị trấn được tổ chức tại thôn, tổ dân phố do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì.

Hội nghị cử tri ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với ban chấp hành công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì. Hội nghị cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân là hội nghị quân nhân do lãnh đạo, chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì.

Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố đã giới thiệu người ứng cử được mời tham dự các hội nghị này.

Tại hội nghị cử tri, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín theo quyết định của hội nghị.

Câu 53. Chị L là bác sỹ giỏi của bệnh viện huyện X đã tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện. Tuy nhiên, tại hội nghị hiệp thương, một số ý kiến cử tri đã phản ánh việc chị L nhận tiền của người nhà bệnh nhân khi chữa bệnh. Trường hợp này, cơ quan, tổ chức nào có trách nhiệm xác minh và trả lời vụ việc liên quan đến bác sỹ L? Luật bầu cử quy định việc xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 55, Luật bầu cử việc xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau: đối với vụ việc ở nơi công tác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Đối chiếu với trường hợp của chị L thì bệnh viện nơi chị L công tác là cơ quan có thẩm quyền xác minh và trả lời.

Trường hợp người ứng cử là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xác minh và trả lời. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị không có cấp trên trực tiếp quản lý thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập cơ quan, tổ chức, đơn vị đó có trách nhiệm xác minh và trả lời.

Đối với vụ việc ở khu dân cư thì cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

Đối với người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì Ủy ban bầu cử có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người đó hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

Chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử, việc xác minh và trả lời về các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều này phải được tiến hành xong.

Câu 54. Khi nào hội nghị hiệp thương lần thứ ba được tổ chức? Nội dung của hội nghị này là gì?

Trả lời:

Theo Điều 56, Luật bầu cử, hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở mỗi cấp do Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức chậm nhất là 35 ngày trước ngày bầu cử. Thành phần hội nghị hiệp thương lần thứ ba thực hiện gồm Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận.

Hội nghị hiệp thương lần thứ ba căn cứ vào tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị và kết quả lấy ý kiến cử tri để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến và kết quả hội nghị.

Biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp tỉnh được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp huyện, cấp xã được gửi ngay đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

**Câu 55. Việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 57, Luật bầu cử, Chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử, Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia biên bản hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

 Chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương.

 Căn cứ vào danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội được Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu, Hội đồng bầu cử quốc gia gửi đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh danh sách và hồ sơ những người được giới thiệu về ứng cử tại địa phương.

 Hội đồng bầu cử quốc gia lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước theo danh sách do Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh gửi đến chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử.

 Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội phải ghi rõ họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quê quán, nơi thường trú, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác của người ứng cử. Danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử được xếp theo vần chữ cái A, B, C...

Người ứng cử đại biểu Quốc hội chỉ được ghi tên vào danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội ở một đơn vị bầu cử.

 Số người trong danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó ít nhất là hai người. Trong trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng thì Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

 Chậm nhất là 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban bầu cử ở tỉnh phải công bố danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương mình theo quyết định, của Hội đồng bầu cử quốc gia.

**Câu 56. Việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 58, Luật bầu cử quy định Chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh phải gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp; Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã phải gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban bầu cử phải lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử.

Việc lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 57 của Luật bầu cử.

Số người trong danh sách ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu ba đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là hai người; nếu đơn vị bầu cử được bầu từ bốn đại biểu trở lên thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là ba người. Hội đồng bầu cử quốc gia hướng dẫn đối với trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng.

**Câu 57. Việc niêm yết danh sách người ứng cử, xóa tên người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện ra sao?**

**Trả lời:**

Theo Điều 59, Điều 60 Luật bầu cử việc niêm yết danh sách người ứng cử; xóa tên người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

Chậm nhất là 20 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở khu vực bỏ phiếu.

Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Hội đồng bầu cử quốc gia công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Hội đồng bầu cử quốc gia xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được Ủy ban bầu cử công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Ủy ban bầu cử, sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Câu 58. Ông Nguyễn Văn A công tác tại Sở X của tỉnh T ứng cử đại biểu Quốc hội. Cùng cơ quan ông A có ông Trần Thế H cho rằng ông A không đủ điều kiện để ứng cử. Ông H đã nộp đơn tố cáo lên Ban bầu cử đại biểu Quốc hội. Hỏi việc gửi đơn của ông B có đúng không? Đơn của ông B sẽ được giải quyết thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 61, Luật bầu cử, công dân có quyền tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội. Việc tố cáo người ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như sau: “*Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Hội đồng bầu cử quốc gia. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng;”*

Như vậy, tố cáo của ông H đối với ông A – người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội là đúng. Trường hợp có kết quả giải quyết tố cáo của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội nhưng ông B không đồng ý, ông B có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng.

**Câu 59. Trong chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử cơ quan, tổ chức có trách nhiệm gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 62, Luật bầu cử trong chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được quy định như sau:

- Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử trong phạm vi cả nước; Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử và giải quyết khiếu nại, tố cáo về vận động bầu cử ở địa phương.

- Các cơ quan báo chí ở trung ương có trách nhiệm đưa tin về quá trình tổ chức công tác bầu cử, tình hình vận động bầu cử trong phạm vi cả nước. Các cơ quan thông tin đại chúng của địa phương có trách nhiệm đưa tin về hội nghị tiếp xúc cử tri, trả lời phỏng vấn của những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và việc vận động bầu cử ở địa phương.

- Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Quốc hội. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và chính quyền địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tạo điều kiện cho người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc với cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình.

- Kinh phí tuyên truyền, vận động bầu cử được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước.

**Câu 60. Việc vận động bầu cử được thực hiện theo nguyên tắc nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 63, Luật bầu cử, việc vận động bầu cử được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó.

- Các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động cho người ứng cử

**Câu 61. Chị T là người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện X. Sắp tới, Ủy ban bầu cử huyện X sẽ công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện. Hỏi khi nào chị T sẽ bắt đầu tiến hành vận động bầu cử? Chị T có thể sử dụng các hình thức vận động bầu cử nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 64, Luật bầu cử, thời gian vận động bầu cử được bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ. Như vậy, chị T có thể vận động bầu cử kể từ ngày Ủy ban bầu cử huyện X công bố danh sách chính thức và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ.

Theo Điều 65, của Luật bầu cử chị T có thể vận động bầu cử theo các hình thức sau:

- Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử theo quy định tại Điều 66 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Thông qua phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 67 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Câu 62. Thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban thường trực Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh X chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội. Xin hỏi nội dung hội nghị tiếp xúc cử tri là gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 66, Luật bầu cử nội dung chương trình Hội nghị tiếp xúc cử tri có bao gồm:

- Tuyên bố lý do;

- Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri, giới thiệu và đọc tiểu sử tóm tắt của người ứng cử;

- Từng người ứng cử báo cáo với cử tri về chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Cử tri nêu ý kiến, đề đạt nguyện vọng của mình với những người ứng cử. Người ứng cử và cử tri trao đổi dân chủ, thẳng thắn và cởi mở những vấn đề cùng quan tâm;

- Người chủ trì hội nghị phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

**Câu 63. Khi ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh X, Anh T muốn trình bày chương trình hành động của mình thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Vậy anh T sử dụng hình thức vận động bầu cử này như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 67, Luật bầu cử người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có).

- Ủy ban bầu cử có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng tải chương trình hành động của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Như vậy, Anh T sẽ trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng tỉnh X và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có). UBND tỉnh X có trách nhiệm tổ chức việc đăng tải chương trình hành động của anh T trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh X.

**Câu 64. Chị M ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh B. Trong quá trình vận động bầu cử, chị M đã hứa sẽ tặng cho mỗi cử tri 01 vé tham quan khu du lịch mà chị là chủ đầu tư nếu bỏ phiếu cho chị. Xin hỏi hành vi của chị M có vi phạm quy định của pháp luật về bầu cử không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 68, Luật bầu cử, những hành vi sau đây bị cấm trong vận động bầu cử:

- Lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân khác.

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử.

- Lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình.

- Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri.

Như vậy, hành vi hứa tặng cho mỗi cử tri 01 vé tham quan khu du lịch mà chị M là chủ đầu tư nếu bỏ phiếu cho chị là hành vi bị cấm trong hoạt động vận động bầu cử.

**Câu 65. Ông tôi đã già yếu nên không tự đi bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân được. Ông muốn nhờ bố tôi bỏ phiếu giúp có được không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 69 Luật bầu cử việc bỏ phiếu phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp cử tri không thể tự viết được, cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được hoặc cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật, người đang bị tạm giam, chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; khi bầu cử phải xuất tŕnh thẻ cử tri.

- Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

- Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

- Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào thẻ cử tri.

- Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

Như vậy, ông của bạn do già yếu nếu không đi bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị để ông của bạn nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Việc ông muốn nhờ bố bạn bỏ phiếu giúp là không được.

**Câu 66. Việc thông báo về thời gian bầu cử, nơi bỏ phiếu và thời gian bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 70, 71, Luật bầu cử, các vấn đề này được quy định cụ thể như sau:

***- Thông báo về thời gian bầu cử, nơi bỏ phiếu:***

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương.

***- Về thời gian bỏ phiếu:***

+ Việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày.

+ Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

+ Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

**Câu 67. Sau khi cuộc bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh K kết thúc, Tổ bầu cử số 1 tiến hành kiểm phiếu. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử đã tiến hành thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và mời hai cử tri là anh A và anh B không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu. Khi kiểm phiếu, có cả sự chứng kiến của anh X là người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và phóng viên đài truyền hình tỉnh K. Hỏi việc kiểm phiếu của Tổ bầu cử đã được tiến hành theo đúng quy định chưa?**

**Trả lời:**

Theo Điều 73, Luật bầu cử việc kiểm phiếu được thực hiện như sau:

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.

- Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và phải mời hai cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu.

- Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu. Các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu.

Như vậy, trong trường hợp này, Tổ bầu cử số 1 ở trên đã thực hiện việc kiểm phiếu theo đúng quy định của pháp luật.

**Câu 68. Khi tiến hành kiểm phiếu, Tổ bầu cử số 2 phát hiện có 01 phiếu không có dấu của Tổ bầu cử và 01 phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử. Các phiếu này có được coi là hợp lệ không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 74, Luật bầu cử, phiếu bầu được coi là không hợp lệ bao gồm:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;

- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;

- Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;

- Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;

- Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

Như vậy, 02 phiếu bầu nêu trên mà Tổ bầu cử số 2 phát hiện thực trường hợp phiếu không hợp lệ.

**Câu 69. Trong quá trình kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tại Tổ bầu cử X, nhận thấy số người chứng kiến kiểm phiếu không đảm bảo, anh B khiếu nại. Tổ kiểm phiếu cần làm gì khi nhận được khiếu nại của anh B?**

**Trả lời:**

Theo Điều 75, Luật bầu cử những khiếu nại, tố cáo tại chỗ về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc kiểm phiếu sẽ do Tổ bầu cử nhận, giải quyết và ghi nội dung giải quyết vào biên bản. Trường hợp Tổ bầu cử không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử.

Như vậy, khi nhận được khiếu nại của anh B, Tổ bầu cử X phải tiếp nhận, giải quyết và ghi nội dung giải quyết vào biên bản. Trường hợp Tổ bầu cử X không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử.

**Câu 70. Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử phải lập những biên bản nào? Nội dung của biên bản kiểm phiếu là gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 76 Luật bầu cử, sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử phải lập các loại biên bản sau đây:

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội tại khu vực bỏ phiếu;

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại khu vực bỏ phiếu;

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện tại khu vực bỏ phiếu;

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại khu vực bỏ phiếu.

Biên bản kết quả kiểm phiếu phải có các nội dung sau đây:

- Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu;

- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu;

- Số phiếu phát ra;

- Số phiếu thu vào;

- Số phiếu hợp lệ;

- Số phiếu không hợp lệ;

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử;

- Những khiếu nại, tố cáo nhận được; những khiếu nại, tố cáo đã giải quyết và kết quả giải quyết; những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ban bầu cử.

Câu 71. Biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử gồm có những nội dung gì?

Trả lời:

Theo Khoản 2, Điều 77, Luật bầu cử, biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử bao gồm các nội dung sau đây:

- Số lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được ấn định cho đơn vị bầu cử;

- Số lượng người ứng cử;

- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử;

- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử;

- Số phiếu phát ra;

- Số phiếu thu vào;

- Số phiếu hợp lệ;

- Số phiếu không hợp lệ;

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử;

- Danh sách những người trúng cử;

- Những khiếu nại, tố cáo do các Tổ bầu cử giải quyết; những khiếu nại, tố cáo do Ban bầu cử giải quyết; những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia”.

Câu 72. Việc xác định người trúng cử được thực hiện theo nguyên tắc nào?

Trả lời:

Theo Điều 78. Luật bầu cử, người trúng cử được xác định theo nguyên tắc sau đây:

- Kết quả bầu cử được tính, trên số phiếu bầu hợp lệ và chỉ được công nhận khi đã có quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri tại đơn vị bầu cử tham gia bầu cử, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 80 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Người trúng cử phải là người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ.

- Trường hợp số người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ nhiều hơn số lượng đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu bầu cao hơn.

- Trường hợp cuối danh sách trúng cử có nhiều người được số phiếu bầu bằng nhau và nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

Câu 73. Sau khi nghe bà Hoan cùng tổ hưu nói về việc vẫn phải tổ chức bầu cử thêm, bà Minh muốn tìm hiểu các vấn đề về bầu cử thêm được tiến hành như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 79, Luật bầu cử trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử đại biểu Quốc hội chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử ở tỉnh để đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

Trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chưa đủ hai phần ba số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó để quyết định ngày bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

Trong trường hợp bầu cử thêm thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử thêm, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên nhưng không trúng cử. Người trúng cử là người được quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ và có số phiếu bầu cao hơn. Nếu bầu cử thêm mà vẫn chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì không tổ chức bầu cử thêm lần thứ hai.

Câu 74. Theo số liệu thống kê, tính đến hết ngày bầu cử, đơn vị bầu cử xã X có chưa tới một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri đi bỏ phiếu, Ban bầu cử đơn vị bầu cử xã X rất lúng túng không biết phải xử lý như thế nào?

Trả lời:

Theo Khoản 1, Điều 80, Luật bầu cử, trường hợp đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu ở cấp đó. Trong trường hợp nêu trên, đơn vị bầu cử tại xã X có thể tổ chức bầu cử lại theo hướng dẫn.

**Câu 75: Sau khi tổ chức bầu cử lại, tại đơn vị bầu cử X số lượng cử tri đi bầu vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri. Nhiều người dân thắc mắc, liệu với số lượng chưa đạt này kết quả bầu cử lại có được công nhận không và có phải tổ chức bầu cử lại lần thứ hai nữa không?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 4, Điều 80, Luật bầu cử, trong trường hợp bầu cử lại thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử lại, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên. Nếu bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

Như vậy, trong trường hợp nêu trên, kết quả bầu cử lại vẫn được công nhận và đơn vị bầu cử X không phải tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

**Câu 76. Việc hủy bỏ kết quả bầu cử và quyết định bầu cử lại được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 81 Luật bầu cử, việc hủy bỏ kết quả bầu cử và quyết định bầu cử lại được thực hiện như sau:

- Hội đồng bầu cử quốc gia tự mình hoặc theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh hủy bỏ kết quả bầu cử ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử có vi phạm pháp luật nghiêm trọng và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đó.

- Trường hợp bầu cử lại thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử lại, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên.

Câu 77. Ông Nguyễn Văn M có tên trong danh sách cử tri trong cuộc bầu cử đầu tiên tại đơn vị bầu cử xã X, ông đã đi bầu cử vào ngày bầu cử theo đúng quy định. Tuy nhiên, đơn vị bầu cử xã X vừa có thông báo về việc tổ chức bầu cử lại. Ông M cho rằng mình không phải đi bầu cử lại nữa vì theo ông chỉ những ai trong danh sách cử tri đầu tiên mà không đi bầu cử thì mới phải đi bầu cử lại. Đề nghị cho biết luật bầu cử quy định về vấn đề này như thế nào?

Trả lời:

 Theo Điều 82, Luật bầu cử, danh sách cử tri của cuộc bầu cử thêm, bầu cử lại được lập theo danh sách cử tri trong cuộc bầu cử đầu tiên và theo quy định của Luật bầu cử. Đối chiếu với quy định trên, danh sách cử tri bầu lại được lập theo danh sách trong cuộc bầu cử đầu tiên, vì vậy ông M vẫn nằm trong danh sách bầu cử lại và phải thực hiện bầu cử lại theo đúng quy định của Luật.

Câu 78. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm có những nội dung gì?

Trả lời:

 Theo Khoản 2, Điều 83, Luật bầu cử Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm những nội dung sau đây:

- Số lượng đơn vị bầu cử;

- Số lượng người ứng cử;

- Tổng số cử tri của địa phương;

- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của địa phương;

- Số phiếu hợp lệ;

- Số phiếu không hợp lệ;

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử;

- Danh sách những người trúng cử theo từng đơn vị bầu cử;

- Những khiếu nại, tố cáo do Tổ bầu cử, Ban bầu cử đã giải quyết;

- Những việc quan trọng đã xảy ra và kết quả giải quyết;

- Những khiếu nại, tố cáo do Ủy ban bầu cử ở tỉnh đã giải quyết;

- Những khiếu nại, tố cáo và kiến nghị chuyển đến Hội đồng bầu cử quốc gia.

**Câu 79. Là người thường xuyên theo dõi tình hình địa phương, ông An rất quan tâm đến danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Tuy nhiên, đã 1 tuần sau ngày bầu cử trôi qua, ông vẫn chưa thấy công bố danh sách người trúng cử. Ông băn khoăn liệu việc công bố chậm như vậy có vi phạm quy định về bầu cử hay không?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 2, Điều 86, Luật bầu cử về công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử thì Ủy ban bầu cử căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình chậm nhất là 10 ngày sau ngày bầu cử. Như vậy, sau 1 tuần kể từ ngày bầu mà xã vẫn chưa công bố danh sách người trúng cử nhưng chưa quá 10 ngày thi vẫn chưa coi là vi phạm pháp luật.

Câu 80. Thời gian khiếu nại và giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 87 Luật bầu cử Việc giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được thực hiện như sau:

1. Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội.

Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ủy ban bầu cử chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Ủy ban bầu cử có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

3. Quyết định giải quyết khiếu nại của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

Câu 81. Bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội chỉ được tổ chức khi đáp ứng được những điều kiện gì?

Trả lời:

Theo Điều 89, Luật bầu cử, việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 02 năm và thiếu trên mười phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ.

**Câu 82. Xã Minh Phong là đơn vị hành chính mới được tách ra, hiện xã có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân không đủ hai phần ba tổng số đại biểu được bầu theo Luật tổ chức chính quyền địa phương. Vậy xã có được tiến hành bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong nhiệm kì hay không?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 2, Điều 89 Luật bầu cử, việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 18 tháng và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

Hội đồng nhân dân thiếu trên một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ;

Đơn vị hành chính mới được thành lập trên cơ sở nhập, chia, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính hiện có có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân không đủ hai phần ba tổng số đại biểu được bầu theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương”.

Theo quy định trên, trường hợp bầu cử của xã Minh Phong thuộc điều kiện thứ 2, vì vậy được tiến hành bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ.

**Câu 83.** **Việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo thủ tục nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 88 Luật bầu cử, thủ tục xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

1. Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội, cấp giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa mới cho người trúng cử và báo cáo Quốc hội khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội tại kỳ họp đầu tiên.

2. Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mà mình chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử, cấp giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân khóa mới cho người trúng cử và báo cáo Hội đồng nhân dân khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đầu tiên.

Câu 84. Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung?

Trả lời:

Theo Khoản 3, Điều 89, Luật bầu cử, thẩm quyền quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung thuộc về Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Câu 85. Là người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trong bầu cử bổ sung, bà Phương (45 tuổi) đang rất băn khoăn về việc thực hiện thủ tục ứng cử và hồ sơ bầu cử trong bầu cử bổ sung được tiến hành theo quy định nào?

Trả lời:

Theo Khoản 1, Điều 92, Luật bầu cử, việc ứng cử và hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

Công dân ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung phải nộp hồ sơ ứng cử chậm nhất là 18 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

**Câu 86. Có các hình thức xử lý vi phạm nào trong hoạt động bầu cử?**

**Trả lời:**

Theo Điều 95 Luật bầu cử, Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, theo quy định trên, có 3 hình thức xử lý vi phạm là*:* xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc xử lý cụ thể đối với từng hành vi vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật